

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **338/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/9/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố B.

Ông Trần Công Danh – Cán bộ Hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1678/2022/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1973

Hộ khẩu thường trú: 5a/13, khu phố 2, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: 115/4, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Duy K**, sinh năm 1971

Hộ khẩu thường trú: 5a/13, khu phố 2, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa, các đương sự có mặt đầy đủ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai; biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Đỗ Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm

2006 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 323 ngày 24/01/2006). Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn hai bên nội ngoại. Tháng 05 năm 2021 bà đã chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống và có dẫn theo bé Đỗ Nguyễn Ánh N, sinh năm 2014, sau đó ông K đến trường bắt cháu N và không thông báo cho bà biết. Hiện nay ông K không cho bà thăm các con, ngăn cản việc các con được gặp mẹ bằng cách hăm dọa và đánh con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K.

- Về con chung: Khi chung sống cả hai vợ chồng có 03 người con chung là Đỗ Duy P, sinh ngày 25/05/2007; Đỗ Nguyễn Nhật M, sinh ngày 05/01/2011 và Đỗ Nguyễn Ánh N, sinh ngày 23/4/2014. Ly hôn bà đồng ý giao cháu P, cháu M cho ông K nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà xin là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Về cấp dưỡng: bà không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn ông Đỗ Duy K trình bày tại các bản tự khai; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau;*

Ông và bà Nguyễn Thị Thu V xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ việc làm ăn với anh chị em bên nhà bà V, do chị em bên bà V làm ăn gian dối, cần thiếu hàng hóa cho ông nên ông không hài lòng. Ông có nói với bà V nhưng bà V không nghe mà vẫn lén lút, hỗ trợ cho họ. Do đó, dẫn đến việc vợ chồng xích mích, mâu thuẫn. Bắt đầu từ tháng 5/2021 bà V đã bỏ ra ngoài sinh sống. Tuy nhiên, vì ông thương các con, muốn các con có đầy đủ cả bố và mẹ. Do đó, bà V xin ly hôn, ông không đồng ý.

Về con chung: có 03 con chung là Đỗ Duy P, sinh ngày 25/05/2007; Đỗ Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/01/2011; Đỗ Nguyễn Ánh N, sinh ngày 23/04/2014. Trường hợp bà V kiên quyết ly hôn thì ông có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng các con. Ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Ông và bà V tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu V.

Về con chung: giao cháu Đỗ Duy P và cháu Đỗ Nguyễn Nhật M cho ông Đỗ Duy K chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Đỗ Nguyễn Ánh N cho bà Nguyễn Thị Thu V chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời, hai bên không ai phải cấp dưỡng cho con chung.

Tài sản chung: Bà và ông K tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà V chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thu V nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đỗ Duy K, sinh năm 1971; có địa chỉ tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Và đang sinh sống tại đây. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về tư cách đương sự: Bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Duy K; bà xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Nguyễn Ánh N; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, con chung”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Nguyễn Thị Thu V là nguyên đơn còn ông Đỗ Duy K là bị đơn trong vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu V và ông Đỗ Duy K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 2006 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 323 ngày 24/01/2006), theo quy định tại Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, theo bà V trình bày chỉ hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn bên nội ngoại, dẫn đến vợ chồng cãi vã thường xuyên, không còn quan tâm chăm sóc, tôn trọng nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K

Xét yêu cầu ly hôn của bà V là có cơ sở chấp nhận **vì theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng trong quá trình chung sống; vợ chồng bà V và ông K chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, xích mích với nhau, hiện bà V và ông K đã ly thân với nhau điều này đều được bà V và ông K thừa nhận. “Qua xác minh địa phương thì bà V và**

ông K quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, cụ thể như thế nào dẫn đến việc bà V khởi kiện xin ly hôn với ông K thì địa phương không nắm rõ vì cả hai không trình báo địa phương; tại 5a/13, khu phố 2, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai hiện ông K cùng 03 con đang sinh sống, còn bà V đã chuyển ra ngoài sinh sống”. Hơn nữa, quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải cho cả hai vợ chồng nhưng bà V vẫn kiên quyết xin ly hôn, cho thấy bà V không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này.

Do đó, mâu thuẫn giữa bà V và ông K là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu V được ly hôn ông Đỗ Duy K.

[3]. Về con chung: Bà V và ông K có 03 con chung là Đỗ Duy P, sinh ngày 25/05/2007; Đỗ Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/01/2011; Đỗ Nguyễn Ánh N, sinh ngày 23/04/2014. Ly hôn, bà V có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N, bà đồng ý giao cháu P, cháu N cho ông K nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông K có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu P, cháu N, cháu N. Hội đồng xét xử, xét thấy cháu P, cháu N, cháu N đều từ 7 tuổi trở lên; quá trình làm việc Tòa án đã làm việc với ông K, cũng như tổng đạt thông báo thu thập chứng cứ đề nghị ông K dẫn các con lên Tòa án để lấy ý kiến theo quy định của pháp luật nhưng ông K không đồng ý. Do đó, xét điều kiện khả năng nuôi con thì bà V và ông K đều có công việc, với mức thu nhập ổn định để nuôi dưỡng các con. Tuy nhiên, bé N là bé gái cần sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo phát triển bé phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cần giao cho mẹ (bà V) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; còn giao cháu Đỗ Duy P và cháu Đỗ Nguyễn Minh N cho ông Đỗ Duy K nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Hai bên không ai phải cấp dưỡng cho con do các bên không có yêu cầu.

Bà V, ông K được đảm bảo quyền thăm non con; không ai được cản trở ông/bà thực hiện quyền này. **Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.**

[4]. Về tài sản chung và nợ chung; Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu V phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà V đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0003121 ngày 07/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

[6] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68; Điều 264; Điều 266; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V. Bà Nguyễn Thị Thu V được ly hôn với ông Đỗ Duy K.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà V và ông K có 03 con chung là Đỗ Duy P, sinh ngày 25/05/2007; Đỗ Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/01/2011; Đỗ Nguyễn Ánh N, sinh ngày 23/04/2014. Ly hôn, giao cháu Đỗ Nguyễn Ánh N cho bà Nguyễn Thị Thu V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao cháu Đỗ Duy P, cháu Đỗ Nguyễn Minh N cho ông Đỗ Duy K nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, hai bên không ai phải cấp dưỡng cho con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên bà V, ông K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà V và ông K thống nhất tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Các đương đầu xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu V phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà V đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0003121 ngày 07/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu V và bà Đỗ Duy K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;

- THA dân sự ;
- Dương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Dương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Đông Thị Hồng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 21/09/2020,
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hoà
Bà Nguyễn Thị Nhạn

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1596/2020/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Lê Tuyên Vũ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 24, tổ 4, Quốc lộ 51, khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa bà Linh, ông Vũ đều có mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**
Về tố tụng; thẩm quyền xét xử và tư cách tham gia tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà:

+ Bà Nguyễn Thị Thùy Linh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Tuyên Vũ; giải quyết về quan hệ con chung. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và con chung”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Linh là nguyên đơn còn ông Vũ là bị đơn trong vụ án.

+ Ông Lê Tuyên Vũ có địa chỉ cư trú hiện nay tại số: Tổ 4, Quốc lộ 51, khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Ý kiến của Hội thẩm Nhận: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hoà

- THẩm phán chủ tọa nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về yêu cầu khởi kiện:

- Ý kiến của Hội thẩm Nhận:

+ Về quan hệ hôn nhân: phía nguyên đơn và bị đơn thì cả hai đều thừa nhận đã cùng nhau sinh sống nhiều năm cũng như việc hiện nay giữa hai vợ chồng đang có mâu thuẫn xảy ra, điều này phù hợp với nội dung xác minh mâu thuẫn tại chính quyền địa phương nơi cả hai sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, mặc dù ông Vũ khai mâu thuẫn vợ chồng không lớn, không đáng để phải ly hôn. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chia sẻ với nhau trong cuộc sống từ rất nhiều mặt; nhưng khi Tòa án hoà giải trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa thì bà Linh nhất quyết không chịu hàn gắn, một mực muốn ly hôn vì theo bà tình cảm vợ chồng giữa bà với ông Vũ không còn, cả hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Còn bản thân ông Vũ cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng ông hiện đã xa cách, sống ly thân mỗi người một nơi đã gần 6 tháng, thời gian ông giành cho vợ con cũng không được nhiều và chu đáo, ông không muốn ly hôn nhưng lại không đưa ra được biện pháp nào để cứu vãn hạnh phúc gia đình. Cả hai gần như không thể nói chuyện được với nhau. Như vậy, xét thấy việc duy trì tiếp tục cuộc hôn nhân của bà Linh và ông Vũ là không cần thiết bởi mục đích hôn nhân giữa hai người đã không đạt được, tiếng nói chung không còn nghỉ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Linh, cho bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh được ly hôn với ông Lê Tuyên Vũ.

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Nhận.

- Thẩm phán chủ tọa nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

+ Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: cháu Lê Minh Trí, sinh ngày 22/7/2019 được ông Vũ và bà Linh xác định là con chung của cả hai vợ chồng. Tại phiên tòa, ông Vũ yêu cầu được giành quyền nuôi con. Tuy nhiên, do cháu Trí còn quá nhỏ, cần sự yêu thương, chăm sóc từ mẹ. Hơn nữa, cháu Trí hiện đang do bà Linh trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ, điều này cũng được ông Vũ thừa nhận nên HĐXX quyết định giao cháu Trí cho bà Linh trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Vũ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Linh không yêu cầu

- Ý kiến của Hội thẩm Nhận: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hoà.

- Thẩm phán chủ tọa nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Nhận: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Nhận

- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Nhận: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Nhận

- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Nhận: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hoà.

- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh và ông Lê Tuyên Vũ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ý kiến của Hội thẩm Nhận: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hoà.

- Thẩm phán chủ toạ nhất trí với ý kiến của hai HTND

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về nội dung tuyên xử:

Ý kiến hội Thẩm Nhận:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh được ly hôn với ông Lê Tuyên Vũ.

Về con chung: Giao Lê Minh Trí, sinh ngày 22/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Tuyên Vũ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Lê Tuyên Vũ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh phải chịu 300.000đ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh và ông Lê Tuyên Vũ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ý kiến của Hội thẩm Hoà: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Nhận.
- Thẩm phán chủ tọa nhất trí với ý kiến của hai HTND
- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 25 phút ngày 21 tháng 09 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Dương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Hồng

